

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 02 - 2024

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lương.

Ông Hoàng Đức Cảnh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên tham gia phiên tòa:** Bà Đào Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 364/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2023 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Trần Văn D; nơi cư trú: Thôn 10, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- **Bị đơn:** Chị Đặng Thị V; nơi đăng ký thường trú: Thôn 10, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn 5, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Trần Văn D là nguyên đơn, khởi kiện với nội dung anh và chị Đặng Thị V kết hôn trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 25 tháng 11 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, Chị V về chung sống cùng Anh D và gia đình tại thôn 10, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận, đến giữa năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tình cảm không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng chung sống đã lâu nhưng không có con chung dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã lẫn nhau. Gia đình cũng động viên khuyên bảo nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Do mâu thuẫn nên Chị V đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân nhau

từ tháng 8 năm 2023 cho đến nay. Nay, Anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên anh giữ nguyên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đặng Thị V. Anh D và Chị V không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh D và Chị V không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị Đặng Thị V là bị đơn, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác. Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/01/2024, Chị V thống nhất trình bày về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn. Theo Chị V, trong đời sống chung vợ chồng hòa thuận, không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Tuy nhiên, vợ chồng chung sống đã lâu nhưng không có con chung nên dẫn đến tình cảm vợ chồng thờ ơ lạnh nhạt và không còn quan tâm đến nhau. Chị và Anh D đã sống ly thân nhau từ tháng 8 năm 2023 cho đến nay. Nay, Anh D có đơn xin ly hôn, Chị V đã nhận được các văn bản tố tụng do Tòa án tổng đạt, quan điểm của chị là Anh D làm gì thì tùy Anh D. Về con chung, chị và Anh D không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, Chị V không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên đã tuân theo đúng quy định của pháp luật quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Trần Văn D được ly hôn với chị Đặng Thị V. Nguyên đơn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết

Anh Trần Văn D có đơn xin ly hôn với chị Đặng Thị V. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Đặng Thị V đăng ký thường trú tại thôn 10, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng và hiện đang sinh sống tại thôn 5, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của anh Trần Văn D ly hôn với chị Đặng Thị V

Anh Trần Văn D và chị Đặng Thị V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đó, việc kết hôn giữa Anh D và Chị V là hợp pháp. Qua lời khai của đương sự và tài liệu xác minh tại gia đình, tại địa phương thống nhất thể hiện, đời sống chung của Anh D và Chị V đã phát sinh mâu thuẫn và dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 8 năm 2023 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, vợ chồng không còn tin tưởng nhau về mặt tình cảm. Mặt khác, Anh D và Chị V chung sống đã lâu nhưng không có con chung dẫn đến tình cảm vợ chồng thờ ơ, lạnh nhạt. Gia đình đã động viên nhưng mâu thuẫn vẫn không được cải thiện. Anh D và Chị V hiện đã sống ly thân nhau từ tháng 8 năm 2023, không ai còn quan tâm đến ai. Tại các buổi hòa giải và tại phiên tòa, Anh D đều giữ nguyên đề nghị được ly hôn với chị Đặng Thị V. Từ đây thể hiện mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa Anh D và Chị V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Anh D xin ly hôn với Chị V.

[4] Về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con

Anh Trần Văn D và chị Đặng Thị V có lời khai thống nhất vợ chồng không có con chung và không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung:

Anh Trần Văn D trình bày không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị Đặng Thị V không có đề nghị về tài sản chung, do đó Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung trong vụ án này.

[6] Về án phí, anh Trần Văn D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn D:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Văn D được ly hôn với chị Đặng Thị V.

2. Về con chung:

Anh Trần Văn D và chị Đặng Thị V thống nhất không có con chung và không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung:

Anh Trần Văn D và chị Đặng Thị V không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh Trần Văn D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp (ghi tại biên lai thu số 0008959 ngày 23/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên), anh Trần Văn D đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Anh Trần Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Đặng Thị V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND H. Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H. Thủy Nguyên;
- UBND xã Chính Mỹ, H. Thủy Nguyên;
(Giấy đăng ký kết hôn ngày 25/11/2019)
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huân